TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2025/LĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị H.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Lê V - Phó chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố T, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Phạm Thị Thu Y - Cán bộ nghỉ hưu.

*- **Thư ký phiên tòa*:** Ông Thái Vương Tr - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà**:* Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 86/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2025/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 124/2025/QĐST-LĐ ngày 05/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị X, sinh ngày 18/6/1990; CCCD: 040190017446; trú tại: Thôn Điểm Mới (tên cũ xóm 8), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 10/58, khu phố Bình Đức 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường số 4, khu công nghiệp Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Kh, sinh năm 1992; trú tại: Khu Tiên Sơn, xã L, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Bình Hòa, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị X, trình bày:

Do có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội nên bà có đến liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã

hội để rút bảo hiểm xã hội theo quy định và được cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo thời điểm từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011 bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần S nên Công ty Cổ phần S có thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà vào thời gian trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà cũng đang làm việc tại Công ty Cổ phần S nên cùng một khoảng thời gian bà được Công ty Cổ phần S đóng bảo hiểm xã hội hai lần. Do đó, đến nay bà không thể thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Do thời gian nêu trên bà có cho người quen tên Trần Thị Kh mượn hồ sơ cá nhân của bà, để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011, nhưng trên thực tế người có tên Trần Thị Kh là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty Cổ phần S, do thời điểm nêu trên bà Trần Thị Kh chưa đủ tuổi ký kết hợp đồng lao động nên mới mượn hồ sơ cá nhân của bà để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S.

Do thời gian đã lâu nên hiện nay bà Trần Thị Kh không còn hợp đồng lao động trên để cung cấp cho Tòa án.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kh và Công ty Cổ phần S là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Trần Thị X (do Trần Thị Kh là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần S vào thời gian từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011 là vô hiệu toàn bộ. Bà Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và tự nguyện chịu mọi chi phí tố tụng đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn Công ty Cổ phần S* đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đại diện Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kh trình bày: Bà có quen biết với bà Trần Thị X. Khoảng tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011 bà có mượn hồ sơ cá nhân của bà Trần Thị X để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S trong thời gian từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011. Nay bà nhận thấy việc bà ký kết hợp đồng lao động với Công ty là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị X. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X thì bà thống nhất, bà không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Trần Thị X, sinh ngày 18/6/1990; căn cước công dân số 040190017446 (CMND số 186812054) được Công ty TNHH SCIENTEX TSUKASA (Việt Nam) và Công ty Cổ phần S đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2023 mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7409326170.

Từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2011 bà Trần Thị X được Công ty cổ phần SX-XD-TM An Lộc tham gia bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2020

và được Công ty Cổ phần S tham gia bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 01/2011 đến tháng 02/2011 tại mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7409321887.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Trần Thị X (do bà Trần Thị Kh là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần S trong thời gian từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần S có địa chỉ tại Đường số 4, khu công nghiệp Đồng An, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kh và Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần S và bà Trần Thị X. Tuy nhiên, nguyên đơn và người liên quan bà Khuyên đều thống nhất có việc mượn hồ sơ và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị X có sự trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010 và từ tháng 01/2011 đến tháng 02/2011. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy: Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp có cơ sở xác định:

Bà Trần Thị X xác định mã số BHXH 7409326170 là do chính bà làm việc.

Mã số BHXH 7409321887 là do bà Nguyễn Thị Nh là người làm việc từ tháng 12/2009 đến 11/2010 tại Công ty cổ phần SX-XD-TM An Lộc và đã được giải quyết bằng quyết định sơ thẩm giải quyết việc lao động số 52/2025/QĐST-LĐ ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. Còn thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 02/2011 tại Công ty Cổ phần S do bà Trần Thị Kh là người làm việc.

Từ đó cho thấy: Bà Trần Thị X có cho bà Trần Thị Kh mượn hồ sơ mang tên bà để xác lập hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2011 đến tháng 02/2011 tại Công ty Cổ phần S theo mã số BHXH 7409321887. Trong khoảng thời gian trên, bà Trần Thị X cũng tham gia lao động tại Công ty Cổ phần S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ Bảo hiểm xã hội số 7409326170.

Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty Cổ phần S từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011 là bà Trần Thị Kh không phải bà Trần Thị X. Việc bà Trần Thị Kh mượn hồ sơ của bà Trần Thị X để đi làm tại Công ty Cổ phần S là vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Bà Trần Thị Kh và Công ty Cổ phần S không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trần Thị X tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty Cổ phần S.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Trần Thị X và Công ty Cổ phần S trong thời gian từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 02 năm 2011 tại mã số BHXH số 7409321887 bị vô hiệu toàn bộ.

- Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đương sự trên theo quy định pháp luật.

2 .Về án phí: Bà Trần Thị X tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000802 ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị H